PHỤ LỤC

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN (GIAI ĐOẠN 2022-2025)

(Kèm theo Báo cáo số ..789/BC-UBND ngày ..5 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

I. Nội dung, mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án Xây dựng xã hội học tập

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)				Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể….	42.960.000	42.960.000	42.960.000	42.960.000	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
2	Chi tổ chức khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời	74.390.000	74.390.000	74.390.000	74.390.000	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
3	Công tác phí đi chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập	34.600.000	34.600.000	34.600.000	34.600.000	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
4	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm cả tập huấn cho đội ngũ quản lý trung tâm học tập cộng đồng)	46.700.000	46.700.000	46.700.000	46.700.000	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
5	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.	162.000.000	162.000.000	162.000.000	162.000.000	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
6	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:	2.571.200.000	4.536.447.500	3.153.275.000	1.838.837.500	
*	*Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục*	*1.053.700.000*	*1.070.437.500*	*1.082.925.000*	*1.096.337.500*	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
*	*Chi hỗ trợ học phẩm cho học viên; mua sổ sách theo dõi quá trình học tập của lớp; mua SGK dùng chung*	*346.600.000*	*667.210.000*	*373.750.000*	*90.800.000*	*- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN*

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)				Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
*	*Hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm đối với lớp học xóa mù chữ; Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ; chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC*	*17.100.000*	*41.400.000*	*25.200.000*	*9.900.000*	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
*	*Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ*	*93.600.000*	*190.600.000*	*109.000.000*	*28.000.000*	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
*	*Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC*	*34.200.000*	*82.800.000*	*50.400.000*	*19.800.000*	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
*	*Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ*	*1.026.000.000*	*2.484.000.000*	*1.512.000.000*	*594.000.000*	*Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
	Cộng	**2.931.850.000**	**4.897.097.500**	**3.513.925.000**	**2.199.487.500**	***KP tổng giai đoạn 2022-2025 là 13.542.360.000 đồng***

II. Mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

1	Hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ	936.000.000	1.906.000.000	1.090.000.000	280.000.000	Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
	Cộng	**936.000.000**	**1.906.000.000**	**1.090.000.000**	**280.000.000**	***KP tổng giai đoạn 2022-2025 là 4.212.000.000 đồng***

Tổng số tiền (I+II): 17.754.360.000 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm năm mươi tư triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

III. Tổng hợp kinh phí thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2022-2025 theo các nguồn kinh phí						**Cộng**
1	Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN	1.282.600.000	2.573.210.000	1.463.750.000	370.800.000	5.690.360.000

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)				Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
2	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác	2.585.250.000	4.229.887.500	3.140.175.000	2.108.687.500	12.064.000.000
	Cộng	**3.867.850.000**	**6.803.097.500**	**4.603.925.000**	**2.479.487.500**	**17.754.360.000**

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN NĂM 2020, NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số ……/BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

I. Nội dung, mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án Xây dựng xã hội học tập

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)		Ghi chú
		Năm 2020	Năm 2021	
1	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể….	67.640.000	51.360.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
2	Chi tổ chức khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời	109.600.000	76.430.000	
3	Công tác phí đi chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập	97.600.000	56.100.000	
4	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm cả tập huấn cho đội ngũ quản lý trung tâm học tập cộng đồng)	67.380.000	60.040.000	
5	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.	162.000.000	162.000.000	
6	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:	648.728.831	60.872.000	- Nguồn kinh phí: Từ nguồn KP Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn hợp pháp khác; - Năm 2021, ngoài huyện Bạch Thông, các huyện/thành phố khác không được cấp kinh phí chi cho công tác điều tra PCGD, XMC (Nếu cấp đủ thì số tiền chi cho công tác điêu tra PCGD, XMC là 580.118.000 đồng)
	Cộng	**1.152.948.831**	**466.802.000**	**Tổng kinh phí giai đoạn 2020-2021 là 1.619.750.831 đồng**

II. Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)		Ghi chú
		Năm 2020	Năm 2021	
1	Hỗ trợ cho tất cả người tham gia học lớp xoá mù chữ	0	0	Chưa có quy định hỗ trợ cho người dân tham gia học lớp xoá mù chữ
2	Ngoài ra, hỗ trợ thêm cho người tham gia học lớp xoá mù chữ thuộc diện chính sách	0	0	

Tổng số tiền (I+II): 1.619.750.831 đồng (Một tỷ sáu trăm mười chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng).

PHỤ LỤC 2

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN (GIAI ĐOẠN 2022-2025)

(Kèm theo Báo cáo số ……./BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

I. Nội dung, mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án Xây dựng xã hội học tập

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)				Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể….	42.960.000	42.960.000	42.960.000	42.960.000	*- Chi tiết của một năm tại phụ lục 3 đính kèm* *- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
2	Chi tổ chức khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời	74.390.000	74.390.000	74.390.000	74.390.000	*- Chi tiết của một năm tại phụ lục 4 đính kèm* *- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
3	Công tác phí đi chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập	34.600.000	34.600.000	34.600.000	34.600.000	*- Chi tiết của một năm tại phụ lục 5 đính kèm* *- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
4	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm cả tập huấn cho đội ngũ quản lý trung tâm học tập cộng đồng)	46.700.000	46.700.000	46.700.000	46.700.000	*- Chi tiết của một năm tại phụ lục 6 đính kèm* *- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)				Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
5	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.	162.000.000	162.000.000	162.000.000	162.000.000	*- Chi tiết của một năm tại phụ lục 7 đính kèm* *- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác*
6	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:	2.571.200.000	4.536.447.500	3.153.275.000	1.838.837.500	*- Chi tiết của một năm tại các phụ lục 8a, 8b, 8c, 8d đính kèm* *- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh, nguồn CT DTTS&MN và các nguồn hợp pháp khác*
	Cộng	**2.931.850.000**	**4.897.097.500**	**3.513.925.000**	**2.199.487.500**	***KP tổng giai đoạn 2022-2025 là 13.542.360.000 đồng***

II. Mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025

1	Hỗ trợ cho tngười tham gia học lớp xoá mù chữ	936.000.000	1.906.000.000	1.090.000.000	280.000.000	- Chi tiết tại phụ lục 9 đính kèm; - Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
	Cộng	**936.000.000**	**1.906.000.000**	**1.090.000.000**	**280.000.000**	***KP tổng giai đoạn 2022-2025 là 4.212.000.000 đồng***

Tổng số tiền (I+II): 17.754.360.000 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm năm mươi tư triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

PHỤ LỤC 3

DỰ KIẾN VIỆC SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……./BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể ….

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I. Mức chi đối với các huyện, thành phố						
1	**Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên phổ biến, giáo dục pháp luật**					
	Thù lao báo cáo viên cấp huyện	Người/ buổi	600.000	2	1.200.000	Tuỳ theo trình độ BCV, tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng buổi tuyên truyền
2	**Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật**					
	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	40.000	10	400.000	
	Bồi dưỡng phát thanh					
	- Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15.000	20	300.000	
	- Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20.000	20	400.000	
3	**Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật**					
	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hằng năm	Tủ/năm	2.000.000	1	2.000.000	
	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	70.000	2	140.000	
	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50.000	4	200.000	
Tổng mức chi cho 01 huyện/ thành phố					**4.640.000**	
Tổng mức chi cho 8 huyện/ thành phố					**37.120.000**	

II. Mức chi đối với các đơn vị cấp tỉnh						
1	**Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên phổ biến, giáo dục pháp luật**					
	Thù lao báo cáo viên cấp tỉnh	Người/ buổi	800.000	2	1.600.000	Tuỳ theo trình độ BCV, tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng buổi tuyên truyền

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	**Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật**					
	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	60.000	10	600.000	
	Bồi dưỡng phát thanh					
	- Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	25.000	20	500.000	
	- Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	40.000	20	800.000	
3	**Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật**					
	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hằng năm	Tủ/năm	2.000.000	1	2.000.000	
	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	70.000	2	140.000	
	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50.000	4	200.000	
Tổng mức chi cấp tỉnh					**5.840.000**	
Tổng cộng (I) + (II)					**42.960.000**	

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng.

PHỤ LỤC 4

DỰ KIẾN VIỆC SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……/BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung: Chi tổ chức khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời (kinh phí cho 1 năm)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I. Mức chi đối với các huyện, thành phố						
1	Xây dựng Kế hoạch, báo cáo hằng năm					
	Soạn thảo Kế hoạch	Bản	750.000	1	750.000	
	Soạn thảo báo cáo	Bản	130.000	1	130.000	
2	Biên soạn tài liệu tuyên truyền, vận động	Trang	40.000	25	1.000.000	
3	Chi tổ chức Lễ phát động					
	Chi thù lao báo cáo viên tuyên truyền, phát động	Người/ ngày	1.200.000	1	1.200.000	
	Thuê hội trường và thiết bị	Ngày	2.500.000	1	2.500.000	
	Nước giải khát	Người/ngày	15.000	150	2.250.000	
Tổng mức chi cho 01 huyện/ thành phố					**7.830.000**	
Tổng mức chi cho 8 huyện/ thành phố					**62.640.000**	
I. Mức chi đối với các đơn vị cấp tỉnh						
1	Xây dựng Kế hoạch, báo cáo hằng năm					
	Soạn thảo Kế hoạch	Bản	1.500.000	1	1.500.000	
	Soạn thảo báo cáo	Bản	250.000	1	250.000	
2	Biên soạn tài liệu tuyên truyền, vận động	Trang	60.000	40	2.400.000	
3	Chi tổ chức Lễ phát động					
	Chi thù lao báo cáo viên tuyên truyền, phát động	Người/ ngày	1.600.000	1	1.600.000	
	Thuê hội trường và thiết bị	Ngày	2.000.000	1	2.000.000	
	Nước giải khát	Người/ngày	20.000	200	4.000.000	
Tổng mức chi cấp tỉnh					**11.750.000**	
Tổng cộng (I) + (II)					**74.390.000**	

Tổng số tiền bằng chữ: Bảy mươi tư triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng.

PHỤ LỤC 5

DỰ KIẾN VIỆC SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……./BC-UBND ngày ... tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I. Cấp tỉnh						
1	Tiền lưu trú	Người/ngày	150.000	6	900.000	
2	Tiền thuê phòng nghỉ	Người/ngày	150.000	6	900.000	
3	Tiền phương tiện đi công tác	km	2.000	150	300.000	
Cộng					**2.100.000**	
Dự kiến cấp tỉnh tổ chức 2 đợt kiểm tra/năm.					**4.200.000**	
II. Cấp huyện						
1	Tiền lưu trú	Người/ngày	150.000	6	900.000	
2	Tiền thuê phòng nghỉ	Người/ngày	150.000	6	900.000	
3	Tiền phương tiện đi công tác	km	2.000	50	100.000	
Cộng					**1.900.000**	
Dự kiến cấp huyện/ thành phố tổ chức 2 đợt kiểm tra/năm x 8 huyện/thành phố.					**30.400.000**	
Tổng (I) + (II)					**34.600.000**	

Tổng số tiền bằng chữ: Ba mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng.

PHỤ LỤC 6

DỰ KIẾN VIỆC SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……/BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung chi cho 1 lần bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm cả tập huấn cho đội ngũ quản lý trung tâm học tập cộng đồng và cán bộ khuyến học các cấp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1. Cấp tỉnh						
1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học)	Người/ buổi	800.000	4	3.200.000	
2	Chi văn phòng phẩm	Gram	70.000	2	140.000	
3	Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác....);	Ngày	2.000.000	2	4.000.000	
4	Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo).	Quyển	40.000	100	4.000.000	
5	Chi nước giải khát	người/ngày	20.000	150 người x 2 ngày	6.000.000	
Cộng					**17.340.000**	
2. Cấp huyện						
1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học)	Người/ buổi	600.000	2	1.200.000	
2	Chi văn phòng phẩm	Gram	70.000	2	140.000	
3	Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác....);	Ngày	2.000.000	1	2.000.000	
4	Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo).	Quyển	40.000	50	2.000.000	
5	Chi nước giải khát	Thùng	20.000	50 người x 2 ngày	2.000.000	
Cộng					**7.340.000**	
Dự kiến 04 huyện/TP tổ chức (mỗi đơn vị tổ chức tập huấn 01/lần). Tổng cộng: 4 cuộc tập huấn					**29.360.000**	
Dự kiến cấp tỉnh và 04 huyện/ thành phố tổ chức tập huấn. Tổng cộng: 01 (cấp tỉnh) + 4 (huyện/ thành phố) = 5 cuộc tập huấn					**46.700.000**	

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng.

PHỤ LỤC 7

DỰ KIẾN VIỆC SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……/BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung: Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng (mức chi cho 01 năm)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.	Trung tâm	1.500.000	108	162.000.000	Toàn tỉnh có 108 trung tâm học tập cộng đồng, mức chi này là tính cho 01 năm
Tổng mức chi cho 108 trung tâm học tập cộng đồng					**162.000.000**	

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu đồng.

PHỤ LỤC 8a

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……./BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung: Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục (năm 2022)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:					
a. Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục).	Phiếu	12.500	84.296	1.053.700.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
b. Chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ.	Bộ học phẩm/học viên	570.000	468	266.760.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
c. Chi hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ.				-	
* Hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm đối với lớp học xóa mù chữ	Lớp	900.000	19	17.100.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
* Chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ	Lớp	1.000.000	19	19.000.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ	Bộ	130.000	468	60.840.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	Học viên	200.000	468	93.600.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
d. Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC	Lớp	1.800.000	19	34.200.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
đ. Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy).	Lớp	54.000.000	19	1.026.000.000	- Mỗi tháng 8 triệu x 9 tháng - Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
Cộng				**2.571.200.000**	

Tổng số tiền bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng.

PHỤ LỤC 8b

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……./BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung: Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục (năm 2023)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:					
a. Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục).	Phiếu	12.500	85.635	1.070.437.500	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
b. Chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ.	Bộ học phẩm/học viên	570.000	953	543.210.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
c. Chi hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ.				-	
* Hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm đối với lớp học xóa mù chữ	Lớp	900.000	46	41.400.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
* Chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ	Lớp	1.000.000	46	46.000.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ	Bộ	130.000	600	78.000.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	Học viên	200.000	953	190.600.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
d. Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC	Lớp	1.800.000	46	82.800.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
đ. Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy).	Lớp	54.000.000	46	2.484.000.000	- Mỗi tháng 8 triệu x 9 tháng - Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
Cộng				**4.536.447.500**	

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

PHỤ LỤC 8c

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……/BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung: Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục (năm 2024)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:					
a. Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục).	Phiếu	12.500	86.634	1.082.925.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
b. Chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ.	Bộ học phẩm/học viên	570.000	545	310.650.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
c. Chi hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ.				-	
* Hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm đối với lớp học xóa mù chữ	Lớp	900.000	28	25.200.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
* Chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ	Lớp	1.000.000	28	28.000.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ	Bộ	130.000	270	35.100.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	Học viên	200.000	545	109.000.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
d. Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC	Lớp	1.800.000	28	50.400.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
đ. Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy).	Lớp	54.000.000	28	1.512.000.000	- Mỗi tháng 8 triệu x 9 tháng - Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
Cộng				**3.153.275.000**	

Tổng số tiền bằng chữ: Ba tỷ một trăm năm mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng.

PHỤ LỤC 8d

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số ……/BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Diễn giải nội dung: Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục (năm 2025)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:					
a. Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục).	Phiếu	12.500	87.707	1.096.337.500	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
b. Chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ.	Bộ học phẩm/học viên	570.000	140	79.800.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
c. Chi hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ.				-	
* Hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm đối với lớp học xóa mù chữ	Lớp	900.000	11	9.900.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
* Chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ	Lớp	1.000.000	11	11.000.000	- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ	Bộ				- Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
* Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	Học viên	200.000	140	28.000.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
d. Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC	Lớp	1.800.000	11	19.800.000	Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
đ. Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy).	Lớp	54.000.000	11	594.000.000	- Mỗi tháng 8 triệu x 9 tháng - Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác
Cộng				**1.838.837.500**	

Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ tám trăm ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

PHỤ LỤC 9

DỰ KIẾN KINH PHÍ CHI HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN THAM GIA HỌC XÓA MÙ CHỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN (GIAI ĐOẠN 2021-2025)

(Kèm theo Báo cáo số ……/BC-UBND ngày … tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Năn	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2022	Hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ	Học viên	2.000.000	468	936.000.000	Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
2023	Hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ	Học viên	2.000.000	953	1.906.000.000	Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
2024	Hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ	Học viên	2.000.000	545	1.090.000.000	Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
2025	Hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ	Học viên	2.000.000	140	280.000.000	Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
2022-2025	**Hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ**	**Học viên**	**2.000.000**	**2106**	**4.212.000.000**	Nguồn kinh phí: CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn tỷ hai trăm mười hai triệu đồng.

PHỤ LỤC 10

SO SÁNH KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN THAM GIA HỌC LỚP XOÁ MÙ CHỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN CỦA 2 NĂM 2022-2023 VỚI 2 NĂM 2020-2021

(Kèm theo Báo cáo số ……./BC-UBND ngày ... tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

I. Nội dung, mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án Xây dựng xã hội học tập

STT	Nội dung	KP thực hiện 2 năm 2020 và 2021 (đồng)	Kp thực hiện 2 năm 2022 và 2023 (đồng)	So sánh KP của 2 năm 2022-2023 với 2020-2021 (tăng +, giảm -)	Ghi chú
1	Công tác phổ biến, GD pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể….	119.000.000	85.920.000	-33.080.000	Đây là những hoạt động thường xuyên, ổn định qua các năm nên kinh khí không thay đổi nhiều.
2	Chi tổ chức khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời	186.030.000	148.780.000	-37.250.000	
3	Công tác phí đi chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập	153.700.000	69.200.000	-84.500.000	
4	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm cả tập huấn cho đội ngũ quản lý Trung tâm HTCĐ)	127.420.000	93.400.000	-34.020.000	
5	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm HTCĐ.	324.000.000	324.000.000	0	
6	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.	709.600.831	7.107.647.500	+6.398.046.669	Kinh phí giai đoạn 2022-2023 tăng lên nhiều so với giai đoạn 2020-2021 là do các nguyên nhân sau: - Số lớp xoá mù chữ tăng lên (giai đoạn năm 2020-2021 chỉ tổ chức được 01 lớp với 10 học viên, trong khi đó giai đoạn 2022-2023 tổ chức được 65 lớp với 1421 học viên) nên số tiền chi tăng; - Các định mức chi tăng lên: cho công tác điều tra PCGD, XMC tăng lên, hỗ trợ học phẩm tăng, chi phụ cấp cho giáo viên, cán bộ quản lý tăng...; - Năm 2021, ngoài huyện Bạch Thông, các huyện/thành phố khác không được cấp kinh phí chi cho công tác điều tra PCGD, XMC, cả tỉnh chỉ được cấp 60.872.000 chi cho công tác điều tra PCGD, XMC, trong khi đó nếu cấp đủ thì số tiền chi cho công tác điều tra PCGD, XMC là 580.118.000 đồng.
	Cộng	**1.619.750.831**	**7.828.947.500**	**+6.209.196.669**	

II. Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện 2 năm 2020 và 2021 (đồng)	Kinh phí thực hiện 2 năm 2022 và 2023 (đồng)	So sánh KP của 2 năm 2022-2023 với 2020-2021 (tăng +, giảm -)	Ghi chú
1	Hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ	0	2.842.000.000	+2.842.000.000	Các năm 2020, 2021 chưa có quy định hỗ trợ cho người dân tham gia học lớp xoá mù chữ.
	Cộng	**-**	**2.842.000.000**	+2.842.000.000	

Tổng số tiền giai đoạn 2022-2023 tăng so với giai đoạn 2020-2021 (I+II): 9.051.196.669 đồng (Chín tỷ không trăm năm mươi mốt triệu một trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng).